

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - AN GIANG**

Bản án số: 122/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 4 - 2026
V/v “Tranh chấp hủy kết hôn trái
pháp luật”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Hiệp,
Bà Mai Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân
Khu vực 10 - An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – An Giang tham gia phiên
tòa:** Không tham gia.

Ngày 06 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - An
Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:
237/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp hủy kết hôn
trái pháp luật” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2026/QĐXXST-HNGĐ
ngày 04 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2026/QĐST-
HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Kim L, sinh ngày 11 tháng 02 năm 1971

Căn cước công dân số: 089171003758

Cư trú: Ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn H,

Cư trú: Ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang;

Sinh năm 1968 theo chứng minh thư nhân dân số: 351339498;

Sinh năm 1967 theo Giấy chứng nhận kết hôn số đăng ký 25/1997 ngày 18
tháng 7 năm 1997, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh An
Giang (cũ).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Phạm Văn B, sinh năm 1970

Căn cước công dân số: 089070002898

Cư trú: Ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang.

+ Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh An Giang

Trụ sở: Tỉnh lộ 943, xã Định Mỹ, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa các ông bà L, H, Beo vắng mặt và có đơn xin vắng mặt; Ủy ban nhân dân xã Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trương Thị Kim L trình bày:

Bà Trương Thị Kim L và ông Phạm Văn B kết hôn, chung sống với nhau từ năm 1997, sinh đứa con đầu lòng là Phạm Văn K vào năm 1998. Tuy nhiên, khi đi làm thủ tục đăng ký kết hôn vào năm 1997 thì ông B không có mặt ở nhà mà đi làm ruộng ở T, nên có nhờ ông Phạm Văn H, sinh năm 1967 là anh trai ruột của ông B đi làm thủ tục giúp. Sau đó, thì hoàn cảnh gia đình khó khăn, ít chữ nên cũng không quan tâm đến giấy tờ như thế nào. Đến năm 2025 khi cần giấy tờ để làm ăn thì bà L mới đến Ủy ban nhân dân xã Đ trích lục giấy tờ kết hôn, lúc này bà L mới biết tên chồng tôi trên giấy kết hôn là ông Phạm Văn H, sinh năm 1967, trong khi người bà L thực tế kết hôn và chung sống là ông Phạm Văn B. Vì vậy, bà L yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà và ông Phạm Văn H.

Về con chung: Bà L và ông H không có con chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông H không có tài sản chung, nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn H trình bày:

Thông nhất với toàn bộ ý kiến của bà L. Ông tên họ đầy đủ là Phạm Văn H, sinh năm 1967. Ông xin cam đoan ông sinh năm 1967, còn giấy tờ tùy thân của ông khi cơ quan nhà nước cấp là sinh năm 1968. Phạm Văn H, sinh năm 1967 trên giấy kết hôn với bà L và Phạm Văn H, sinh năm 1968 trên chứng minh thư nhân dân là cùng một người. Ông H đã có vợ là bà Nguyễn Thị P, kết hôn từ năm 1990, sinh đứa con đầu lòng năm 1991. Từ trước đến nay, ông không hề chung sống, có quan hệ vợ chồng với bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn B trình bày:

Thông nhất với toàn bộ ý kiến của bà L. Ông B và bà L chung sống, kết hôn từ năm 1997, chúng tôi có 02 con chung, đứa lớn nhất sinh năm 1998. Từ trước đến nay, ông H không hề chung sống, có quan hệ vợ chồng với bà L.

Trước đây, khi bà L nộp đơn kiện, do không am hiểu pháp luật, nên ông B nghĩ rằng việc hủy giấy kết hôn có tên bà L – ông H đồng nghĩa với việc hủy cuộc hôn nhân của bà L và ông B, trong khi ông B và bà L đang sinh sống hạnh phúc, nên ông có tranh chấp, không đồng ý. Nay ông không còn tranh chấp nữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh An Giang: Không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa: Các ông bà Trương Thị Kim L, Phạm Văn H, Phạm Văn B vắng mặt và có đơn xin vắng mặt; Ủy ban nhân dân xã Đ vắng mặt và không cung cấp ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trương Thị Kim L khởi kiện yêu cầu giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật, ông Phạm Văn B không đồng ý và phát sinh tranh chấp. Bị đơn ông Phạm Văn H có nơi cư trú tại xã Đ, tỉnh An Giang. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang

[2] Các đương sự Trương Thị Kim L, Phạm Văn H, Phạm Văn B vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Ủy ban nhân dân xã Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Xét nội dung yêu cầu của nguyên đơn Trương Thị Kim L:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết, bà L, ông H, ông B đều thừa nhận việc ông B mượn tên và giấy tờ của ông H để đăng ký kết hôn với bà L vào năm 1997. Ông B không có mặt địa phương vào thời điểm đăng ký kết hôn, nên có nhờ ông Phạm Văn H là anh trai ruột của ông B đi làm thủ tục giúp. Thực tế từ ngày kết hôn với ông B đến nay, bà L và ông B vẫn chung sống với nhau. Còn ông H đã kết hôn và chung sống với người khác. Từ trước đến nay giữa ông H và bà L thực tế không phát sinh quan hệ hôn nhân, không có chung sống như vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, việc kết hôn giữa bà L và ông H theo Giấy chứng nhận kết hôn số đăng ký 25/1997 ngày 18 tháng 7 năm 1997, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh An Giang (cũ), được xác

định là kết hôn giả tạo, đăng ký kết hôn nhưng không đúng chủ thể kết hôn. Bà L yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà L và ông H là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà L và ông H đều xác định họ không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông H đều xác định họ không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này.

[4] Về án phí: Bà L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Điều 5, Điều 8, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Trương Thị Kim L và ông Phạm Văn H.

2. Về án phí:

Bà Trương Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0005077 ngày 20 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (đã nộp xong).

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang;
- VKSND KV10 - An Giang;
- Các đương sự;
- Phòng THADS KV10 - An Giang;
- UBND x. Định Mỹ, An Giang;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Thùy Giang**